

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 24/2014/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 tháng 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 ngày 12 tháng 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 tháng 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Sau khi xem xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn, tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2012-2015; Báo cáo thẩm tra số 68/BC-KTNS ngày 6 tháng 9 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 tháng 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung về nguyên tắc hỗ trợ:

Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với từng dự án; sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng toàn bộ hoặc theo tiến độ đầu tư (trong trường hợp nhà đầu tư có đề nghị), nhưng lần hỗ trợ đầu tiên được thực hiện khi giá trị khối lượng đã đầu tư đạt tối thiểu 50% tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm vốn tham gia của địa phương và tổ chức, cá nhân đóng góp). Việc cấp kinh phí hỗ trợ được thực hiện một hoặc nhiều lần theo khả năng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, nhưng không quá 3 năm kể từ khi hoàn thành toàn bộ việc đầu tư dự án.

2. Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư:

2.1. Sửa đổi, bổ sung về chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng mới: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/ngày-đêm trên cơ sở công suất thiết kế của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ cho từng công trình được xác định cụ thể như sau:

- Đối với các công trình đã đầu tư hoàn thành theo đúng dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư; hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình theo đúng thiết kế, trong đó đường ống cấp nước được lắp đặt đến tất cả công các hộ trong phạm vi cấp nước của dự án thì mức hỗ trợ thực tế bằng mức hỗ trợ tối đa.

- Đối với các công trình chưa đầu tư hoàn thành theo dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì mức hỗ trợ thực tế bằng mức hỗ trợ tối đa nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng hoàn thành các hạng mục công trình so với toàn bộ khối lượng công trình theo thiết kế.

b) Đối với dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất cấp nước: Được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 02 triệu đồng/m³/ngày-đêm theo công suất thiết kế cấp nước nâng cấp, mở rộng của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ thực tế của từng công trình được xác định tương tự như Điểm a, Mục này.

c) Đối với dự án đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước: Được ngân sách tỉnh hỗ trợ 1,5 triệu đồng/m³/ngày-đêm theo công suất thiết kế mở rộng phạm vi cấp nước của công trình và kết quả kiểm tra mức độ hoàn thành của dự án; mức hỗ trợ thực tế của từng công trình được xác định tương tự như Điểm a, Mục này.

d) Nhà đầu tư căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án lựa chọn thời điểm, làm hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ theo chính sách nêu trên.

e) Đối với một số dự án đặc biệt thực hiện ở địa bàn khó khăn, có số vốn đầu tư lớn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ chế, chính sách hỗ trợ thêm cho dự án.

2.2. Bổ sung về chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực:

Nhà đầu tư được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước. Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành. Kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo dự án nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

2.3. Bổ sung chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng thương mại:

Nhà đầu tư được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay để đầu tư tài sản cố định trong 03 năm đầu kể từ ngày vay vốn; mức lãi suất hỗ trợ theo lãi suất vay ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính cho vay để thực hiện dự án nhưng không quá mức lãi suất bình quân của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh theo thời điểm vay vốn; mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo số thực tế vốn vay, nhưng tối đa không quá 70% tổng vốn đầu tư của dự án ghi trong Giấy

chứng nhận đầu tư (sau khi đã trừ phần vốn do địa phương cơ sở và nhân dân tham gia đóng góp, nếu có).

3. Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính:

3.1. Trích khấu hao tài sản cố định:

Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn được hạch toán đầy đủ vào nguyên giá tài sản cố định và thực hiện trích khấu hao theo quy định. Ngân sách cấp tỉnh không thu trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cho dự án.

3.2. Giá bán nước sạch:

Đơn vị cấp nước sạch căn cứ khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính quy định; quy chế tính giá nhà nước ban hành; nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch theo quy định hiện hành để xây dựng phương án giá bán nước sạch gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên